HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 4

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Số lẻ nhỏ nhất có 4 chữ số là:

A. 101 B. 999 C. 1001 D. 1000

Phương pháp

Các số có chữ số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9 là các số lẻ

Lời giải

Số lẻ nhỏ nhất có 4 chữ số là: 1001

Đáp án: C

Câu 2: Giá trị của biểu thức (m + 2 x n) : p nếu m = 10, n = 5 và p = 2 là

A. 30 B. 20 C. 25 D. 10

Phương pháp

Thay chữ bằng số rồi tính giá trị của biểu thức.

Lời giải

Với m = 10, n = 5 và p = 2 thì (m + 2 x n) : p = (10 + 2 x 5) : 2 = 20 : 2 = 10

Đáp án: D

Câu 3: Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: 9 m^2 = … dm^2.

A. 90 B. 900 C. 9 000 D. 90 000

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1m^2 = 100 dm^2

Lời giải

9 m^2 = 900 dm^2

Đáp án: B

Câu 4: Biểu đồ dưới đây nói về số ngày mưa có trong ba tháng của năm 2012 ở một số huyện vùng núi.

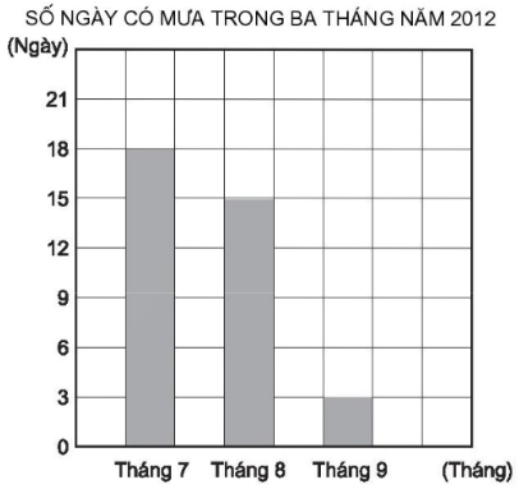

Số ngày mưa của tháng 7 nhiều hơn tháng 9 là:

A. 5 ngày B. 15 ngày

C. 1 ngày D. 7 ngày

Phương pháp

Quan sát biểu đồ để xác định số ngày mưa ở mỗi tháng

Lời giải

Số ngày mưa của tháng 7 nhiều hơn tháng 9 là: 18 – 3 = 15 (ngày)

Đáp án: B

Câu 5: Có 30 hộp bánh được chia đều vào 5 thùng. Hỏi có 7 thùng bánh như vậy được được bao nhiêu hộp bánh?

A. 48 hộp B. 42 hộp C. 49 hộp D. 35 hộp

Phương pháp

- Tìm số hộp bánh trong mỗi thùng

- Tìm số hộp bánh trong 7 thùng

Lời giải

Số hộp bánh trong mỗi thùng là 30 : 5 = 7 (hộp)

7 thùng bánh như vậy có số hộp bánh là:

7 x 7 = 49 (hộp bánh)

Đáp án: C

Câu 6: An cao 175 cm, Tuấn cao 172 cm, Hùng cao 166 cm. Hỏi trung bình mỗi bạn cao bao nhiêu xăng-ti-mét?

A. 171 cm B. 170 cm C. 173 cm D. 172 cm

Phương pháp

Chiều cao trung bình của mỗi bạn = Tổng chiều cao của ba bạn : 3

Lời giải

Trung bình mỗi bạn cao số xăng-ti-mét là: (175 + 172 + 166) : 3 =171 (cm)

Đáp án: A

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

73 472 + 61 689 913 752 – 62 728 5 143 x 3 47 012 : 7

Phương pháp

- Đặt tính

- Với phép cộng, phép trừ, phép nhân: Thực hiện từ phải sang trái

- Với phép chia: Chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} 73472 \\ +\ 61689 \\ \hline 135161 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 913752 \\ -\ 62728 \\ \hline 851024 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 5143 \\ \times\ \ \ 3 \\ \hline 15429 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 47012 & 7 \\ \cline{2-2} 50 & 6716 \\ 11 & \\ 42 & \end{array}$$

Câu 2. Tính bằng cách thuận tiện.

a) 12 000 + 3 450 + 8 000 + 550 b) 25 x 8 x 125 x 4

c)7 x 1 350 + 650 x 7 d) 99 x 6 – 89 x 6

Phương pháp

- Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng và phép nhân

- Áp dụng công thức: a x b + a x c = a x (b + c)

a x b – a x c = a x (b – c)

Lời giải

a) 12 000 + 3 450 + 8 000 + 550 = (12 000 + 8 000) + (3 450 + 550)

= 20 000 + 4 000

= 24 000

b) 25 x 8 x 4 = (25 x 4) x 8

= 100 x 8 = 800

c)7 x 1 350 + 650 x 7 = 7 x (1 350 + 650)

= 7 x 2 000 = 14 000

d) 99 x 6 – 89 x 6 = 6 x (99 – 89)

= 6 x 10 = 60

Câu 3. Mặt sàn lớp học có dạng hình vuông cạnh 6 m. Các chú thợ xây dự định lát sàn căn phòng bằng các tấm gỗ hình chữ nhật có chiều dài 6 dm và chiều rộng 2 dm. Hỏi các chú thợ xây cần bao nhiêu tấm gỗ để lát kín sàn lớp học đó?

Phương pháp

- Tìm diện tích sàn lớp học = cạnh x cạnh
- Tìm 1 diện tích tấm gỗ = chiều dài x chiều rộng
- Tìm số tấm gỗ để lát sàn = diện tích sàn lớp học : diện tích 1 tấm gỗ

Lời giải

Diện tích sàn lớp học là:

$6 \times 6 = 36 \ (m^2) = 3\,600 \ dm^2$

Diện tích mỗi tấm gỗ là:

$6 \times 2 = 12 \ (dm^2)$

Các chú thợ xây cần số tấm gỗ để lát kín sàn lớp học đó là:

$3\,600 : 12 = 300$ (tấm gỗ)

Đáp số: 300 tấm gỗ

Câu 4. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 102 tạ gạo và nhiều hơn ngày thứ hai 7 tạ gạo, ngày thứ ba bán nhiều hơn ngày thứ nhất 15 tạ gạo. Hỏi cả ba ngày của hàng bán được bao nhiêu tạ gạo?

Phương pháp

- Tìm số tạ gạo ngày thứ hai bán được
- Tìm số tạ gạo ngày thứ ba bán được
- Tìm số tạ gạo cả 3 ngày bán được

Lời giải

Số tạ gạo ngày thứ hai bán được là:

$102 - 7 = 95$ (tạ)

Số tạ gạo ngày thứ ba bán được là:

$102 + 15 = 117$ (tạ)

Cả ba ngày của hàng bán được số tạ gạo là:

$102 + 95 + 117 = 314$ (tạ)

Đáp số: 314 tạ gạo